

Bản án số: 200/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Huy Du

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh PVT, sinh năm 1987; ĐKKHKT: Thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị M trình bày:

Chị và anh PVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng vào ngày 08 tháng 4 năm 2009. Sau

khi kết hôn, chị và anh PVT chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2011 thì quan hệ vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tháng 10 năm 2011, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và vợ chồng anh chị bắt đầu sống ly thân, không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Đến cuối năm 2011, anh PVT đã bỏ nhà đi mà không nói gì với chị. Qua thông tin của những người thân trong gia đình anh PVT, chị được biết hiện nay anh PVT đang sinh sống tại Hàn Quốc. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh PVT không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh PVT.

Về con chung: Chị M và anh PVT có một con chung là G, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009. Ly hôn, chị M xin được nuôi con vì thực tế từ khi vợ chồng chị và anh PVT sống ly thân từ năm 2011, chị M là người trực tiếp nuôi con. Chị M không yêu cầu anh PVT cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh PVT hiện đang ở nước ngoài. Nguyên đơn chị M chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh PVT mà không cung cấp được địa chỉ của anh PVT ở nước ngoài. Thông qua mẹ đẻ của anh PVT được biết anh PVT vẫn liên lạc với mẹ ở trong nước nhưng mẹ của anh PVT không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh PVT cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh PVT để gửi lời khai về cho Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh PVT theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh PVT. Anh PVT vắng mặt và không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị M và bị đơn PVT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh PVT vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vắng mặt chị M và anh PVT là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị M và anh PVT không có hạnh phúc, hiện mỗi người sống một nước, không có khả năng đoàn tụ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M. Về con chung: Chị M và anh PVT có một con chung là G, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009, chị M đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Từ

khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị M, anh PVT ở nước ngoài. Vì vậy, cần giao cháu G cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không phải xem xét, giải quyết. Chị M là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị M có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh PVT. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh PVT hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh PVT hiện đang sinh sống ở nước ngoài, M chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh PVT ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh PVT ở nước ngoài, mẹ đẻ của anh PVT xác nhận anh PVT vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tuy nhiên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng mẹ đẻ của anh PVT không cung cấp được địa chỉ, tin tức của anh PVT cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh PVT biết để gửi lời khai về cho Tòa án nên coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng cho anh PVT theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh PVT.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh PVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08 tháng 4 năm 2009. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh PVT hiện mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn với anh PVT theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị M và anh PVT có một con chung là G, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009. Vợ chồng chị M và anh PVT sống ly thân từ năm 2011, cháu G vẫn sinh sống ổn định với chị M; hiện anh PVT đang ở nước ngoài; bản thân cháu G cũng có bản trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu G cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M tạm thời không yêu cầu anh PVT cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị M và anh PVT được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị M được ly hôn anh PVT.

2. Về con chung: Giao cháu G, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M tạm thời không yêu cầu anh PVT cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000534 ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh PVT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã E, huyện F;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Bình